KPMG

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Thành lập Ngân hàng số	576/GP-UB	ngày 8 tháng 10 năm 1992
	Giấy phép Thành lập Ngân hàng được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng số	0025/NH-GP	ngày 22 tháng 8 năm 1992
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn là 50 năm kể từ ngày cấp.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0301378892	ngày 16 tháng 10 năm 1992
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 8 tháng 7 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Thành viên
	Ông Ngô Quang Trung	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
	Ông Vương Công Đức	Thành viên độc lập
Ban Tổng Giám đốc	Ông Ngô Quang Trung	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Bé Mười	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lý Công Nha	Kế toán trưởng
Ban kiểm soát	Bà Phan Thị Hồng Lan	Trưởng ban
	Ông Võ Thanh Hải	Thành viên
	Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5 Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

(a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 84 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Phạm Anh Tú
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt ("Ngân hàng"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 84.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City, a branch of KPMG Limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

KPMG

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 23 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng được một công ty kiểm toán khác soát xét và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó trong báo cáo soát xét ngày 22 tháng 8 năm 2017.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 18-01-434

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Khánh Tân
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B02a/TCTD
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	30/06/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt**	**5**	**439.595**	**298.535**
II	**Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**	**6**	**418.845**	**672.076**
III	**Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác**	**7**	**5.909.512**	**5.236.207**
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		5.706.512	4.890.407
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		203.000	345.800
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**18**	**-**	**7.796**
VI	**Cho vay khách hàng**		**25.282.904**	**24.784.843**
1	Cho vay khách hàng	8	25.552.785	25.031.901
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(269.881)	(247.058)
VIII	**Chứng khoán đầu tư**	**10**	**6.083.102**	**6.156.729**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		4.927.399	4.881.774
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		1.347.820	1.369.810
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(192.117)	(94.855)
IX	**Góp vốn, đầu tư dài hạn**	**11**	**528.600**	**528.600**
1	Đầu tư vào công ty con		500.000	500.000
3	Đầu tư vào công ty liên kết		28.600	28.600
X	**Tài sản cố định**		**660.523**	**685.340**
1	Tài sản cố định hữu hình	12	287.633	299.498
a	*Nguyên giá*		*403.837*	*405.875*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(116.204)*	*(106.377)*
3	Tài sản cố định vô hình	13	372.890	385.842
a	*Nguyên giá*		*459.442*	*461.527*
b	*Giá trị hao mòn lũy kế*		*(86.552)*	*(75.685)*
XII	**Tài sản Có khác**		**2.354.350**	**2.030.129**
1	Các khoản phải thu	14	1.396.838	1.215.057
2	Các khoản lãi, phí phải thu		847.706	755.287
4	Tài sản Có khác	15	189.120	139.099
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(79.314)	(79.314)
	TỔNG TÀI SẢN		**41.677.431**	**40.400.255**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

		Thuyết minh	30/06/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
B	**NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**			
	NỢ PHẢI TRẢ			
II	**Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác**	**16**	**8.757.669**	**8.907.684**
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.280.112	7.352.430
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		1.477.557	1.555.254
III	**Tiền gửi của khách hàng**	**17**	**28.931.305**	**27.557.066**
IV	**Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác**	**18**	**19.144**	**-**
VI	**Phát hành giấy tờ có giá**	**19**	**10**	**10**
VII	**Các khoản nợ khác**		**628.708**	**626.797**
1	Các khoản lãi, phí phải trả		578.662	577.784
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	20	50.046	49.013
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**38.336.836**	**37.091.557**
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	**Vốn chủ sở hữu**	**22**	**3.340.595**	**3.308.698**
1	Vốn của tổ chức tín dụng		3.000.009	3.000.009
a	*Vốn điều lệ*		*3.000.000*	*3.000.000*
b	*Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định*		*1*	*1*
c	*Thặng dư vốn cổ phần*		*8*	*8*
2	Quỹ của TCTD		126.990	122.904
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(11.321)	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối		224.917	185.785
a	*Lợi nhuận kỳ này*		43.218	30.958
b	*Lợi nhuận lũy kế kỳ trước*		181.699	154.827
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**3.340.595**	**3.308.698**
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**41.677.431**	**40.400.255**

			30/06/2018 Triệu VND	31/12/2017 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1	Bảo lãnh vay vốn	33	150.046	150.046
2	Cam kết giao dịch hối đoái	33	31.032.206	26.907.749
	▪ *Cam kết mua ngoại tệ*	*33*	*608.899*	*2.420.431*
	▪ *Cam kết bán ngoại tệ*	*33*	*5.544.208*	*2.683.025*
	▪ *Cam kết giao dịch hoán đổi*	*33*	*24.879.099*	*21.804.293*
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	33	216.269	199.030
5	Bảo lãnh khác	33	1.114.904	1.050.085

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bùi Thị Quanh	Lý Công Nha	Phạm Anh Tú
Phó phòng kế toán	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	1.455.028	1.179.420
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	1.041.865	910.490
I	**Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự thuần**		**413.163**	**268.930**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	24.634	16.561
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	14.715	15.021
II	**Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ**	**25**	**9.919**	**1.540**
III	**Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**26**	**33.628**	**26.293**
V	**Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**27**	**38.993**	**28.156**
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	2.040	1.343
6	Chi phí hoạt động khác	28	267	154
VI	**Lãi thuần từ hoạt động khác**	**28**	**1.773**	**1.189**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**29**	**327.373**	**291.846**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**170.103**	**34.262**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**30**	**117.935**	**23.186**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)**		**52.168**	**11.076**

		Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (mang sang từ trang trước)**		**52.168**	**11.076**
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	8.950	1.005
XII	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**		**8.950**	**1.005**
XIII	**Lợi nhuận sau thuế**		**43.218**	**10.071**

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bùi Thị Quanh	Lý Công Nha	Phạm Anh Tú
Phó phòng kế toán	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.362.609	1.164.700
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.040.987)	(854.681)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	9.919	1.540
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán	74.871	44.757
05	Thu nhập khác	433	1.282
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	810	-
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(324.455)	(293.184)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong kỳ	(152)	(7.702)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	**83.048**	**56.712**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	240.000	571.590
10	Tăng các khoản kinh doanh chứng khoán	(23.635)	(864.494)
11	Giảm/(tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7.796	(178)
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(520.884)	(938.520)
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(100)	(562)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(110.246)	(401.038)
	Những thay đổi về công nợ hoạt động		
15	Giảm các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	(210.991)
16	(Giảm)/tăng các khoản tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	(150.015)	3.579.733
17	Tăng/(giảm) tiền gửi của khách hàng	1.374.239	(959.186)
20	Tăng/(giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	19.144	(16.838)
21	Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động	20.661	(6.136)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	-	(306)
I	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**	**940.008**	**809.786**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2018 Triệu VND	30/06/2017 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(141.224)	(6.238)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	9.952	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn	3.719	3.963
II	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**	**(127.553)**	**(2.275)**
IV	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ**	**812.455**	**807.511**
V	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU KỲ**	**5.863.818**	**2.462.836**
VI	**ĐIỀU CHỈNH ẢNH HƯỞNG CỦA THAY ĐỔI TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI**	**(11.321)**	**(13.767)**
VII	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ (THUYẾT MINH 32)**	**6.664.952**	**3.256.580**

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bùi Thị Quanh	Lý Công Nha	Phạm Anh Tú
Phó phòng kế toán	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này